|  |  |
| --- | --- |
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNTTỈNH THANH HÓA**CHI CỤC KIỂM LÂM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|   |  |

**TÀI LIỆU**

**Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng công tác**

**cho Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã**

**Phần I**

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA KIỂM LÂM LÀM VIỆC TẠI ĐỊA BÀN XÃ**

**I. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÔNG CHỨC KIỂM LÂM**

Quy định tại Điều 7, Nghị định 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ như sau.

1. Công chức Kiểm lâm khi thi hành công vụ thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Nghị định này và theo quy định của pháp luật; mặc đồng phục, đeo cấp hiệu, kiểm lâm hiệu, biển tên theo quy định.

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, kiểm tra hiện trường, khám nơi cất giữ lâm sản trái pháp luật, thu giữ, tạm giữ, bảo quản tang vật, kiểm tra phương tiện vận chuyển lâm sản trái phép theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính. Thủ trưởng Kiểm lâm trung ương, Thủ trưởng Kiểm lâm vùng, Thủ trưởng Kiểm lâm cấp tỉnh, Thủ trưởng Kiểm lâm cấp huyện, Thủ trưởng Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có thẩm quyền khởi tố, điều tra vụ án hình sự hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Được trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao khác theo quy định của pháp luật.

**II. TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA KIỂM LÂM LÀM VIỆC TẠI ĐỊA BÀN XÃ**

**1.** **Trách nhiệm của Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã (gọi tắt là KLV)**:

***\* Quy định cụ thể tại Điều 2, Quyết định số 83/2007/QĐ-BNNPTNT của Bộ trưởng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; cụ thể:***

1. Tham mưu cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường và thị trấn có rừng (dưới đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp xã) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về rừng, đất lâm nghiệp, bao gồm:

a) Xây dựng phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện sau khi phương án được phê duyệt;

b) Đề xuất việc quy hoạch diện tích sản xuất nương rẫy và kiểm tra việc thực hiện; hướng dẫn công tác giao rừng;

c) Xây dựng các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng;

d) Huy động lực lượng dân quân tự vệ, các lực lượng và phương tiện khác trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống phá rừng trái phép, phòng trừ sâu hại rừng;

đ) Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản theo quy định của pháp luật;

e) Xác nhận về nguồn gốc lâm sản theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện nhiệm vụ nghiệp vụ sau:

a) Báo cáo và đề nghị với Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm về công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn;

b) Phát hiện những vụ phá rừng, khai thác rừng, vận chuyển, buôn bán lâm sản và động vật rừng trái phép báo cáo kịp thời với Hạt trưởng và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã ngăn chặn, xử lý kịp thời;

c) Thống kê, kiểm kê rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn được phân công;

d) Kiểm tra hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn và giám sát các chủ rừng trong việc bảo vệ và phát triển rừng, gây nuôi trồng cấy nhân tạo động vật, thực vật hoang dã;

e) Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

f) Xử lý các vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

3. Tham gia các hoạt động về lâm nghiệp khác khi Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã giao:

a) Hướng dẫn, vận động cộng đồng dân cư thôn xây dựng và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng;

b) Các hoạt động về phát triển rừng và khuyến lâm;

c) Các hoạt động khác trong lĩnh vực lâm nghiệp.

***\* Ngoài ra, KLV còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 9, Luật Cán bộ công chức như sau:***

1. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

5. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.

**2) Phương pháp chung trong thực hiện nhiệm vụ của KLV:**

- Hằng năm KLV phải tham mưu cho UBND xã xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác QLBV&PTR, PCCCR; trên cơ sở kế hoạch năm, hằng tháng tham mưu xây dựng kế hoạch trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt thực hiện?

- Trong quá trình thực hiện, kịp thời đề xuất, kiến nghị lãnh đạo Hạt, lãnh đạo xã các giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong thực hiện nhiệm được giao tại cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ thông tin báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện định kỳ (hoặc đột xuất) theo quy định.

- Mở và thực hiện ghi chép sổ nhật ký công tác KLV.

- Lưu giữ hồ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Hồ sơ: Các phương án, kế hoạch, văn bản chỉ đạo BV&PTR của Đảng ủy, UBND xã …; các loại sổ quản lý địa bàn; sổ nhật ký công tác; biên bản họp, hội nghị, biên bản kiểm tra rừng, kiểm tra lâm sản; hồ sơ XLVPHC; báo cáo các loại… )*

**3. Phương pháp tham mưu của KLV cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp:**

*a)* Về tham mưu xây dựng phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện sau khi phương án được phê duyệt.

*Phương pháp thực hiện:*

- Hàng năm KLV tham mưu cho UBND xã kiện toàn các Ban, Tổ, Đội về công tác Lâm nghiệp khi có thay đổi về nhân sự; tham mưu các Ban, Tổ, Đội xây dựng, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Từ năm 2022, KLV tham mưu cho UBND cấp xã xây dựng phương án thực hiện tổng thể các nhiệm vụ về QLRBVR, PTR, PCCCR cho cả giai đoạn 2022-2025; đồng thời tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm cho từng nội dung công việc cụ thể .

- Vào dịp cuối năm, KLV tham mưu cho UBND xã tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác QLBV&PTR, PCCCR trên địa bàn, xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong năm tiếp theo; đồng thời tham mưu cho UBND cấp xã xây dựng kế hoạch để thực hiện năm.

*- Triển khai thực hiện phương án, kế hoạch:* Sau khi các phương án, kế hoạch được ban hành, KLV tham mưu cho Chủ tịch UBND xã triển khai các phương án, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo xuống các thôn (bản), chủ rừng, người dân biết để thực hiện; hàng tháng KLV tham mưu cho Chủ tịch UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác BV&PTR, PCCCR trên địa bàn xã; cuối tháng tham mưu cho Chủ tịch UBND xã tổ chức giao ban đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch BVR, PCCCR trong tháng, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, hướng khắc phục và đề ra các nhiệm vụ giải pháp để xây dựng kế hoạch BVR, PCCCR tháng tiếp theo. Định kỳ tháng, quý tham mưu cho UBND xã, BCĐ xã kiểm tra các ngành, thôn (bản), chủ rừng triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của cấp trên, của UBND xã về QLBVR, PCCCR.

***b) Về quy hoạch diện tích sản xuất nương rẫy và kiểm tra việc thực hiện; hướng dẫn công tác giao rừng:***

*Phương pháp thực hiện:*

- Hàng năm tham mưu điều tra, khảo sát lập danh sách các hộ gia đình sản xuất nương rẫy của từng thôn (bản), trên cơ sở đó xây dựng bản đồ quản lý nương rẫy để phục vụ cho công tác quản lý nương rẫy và PCCCR, nhằm ngăn chặn tình trạng vén rừng, phá rừng trái phép để làm rẫy và đốt nương rẫy cháy lan vào rừng.

- Tham mưu Cho UBND xã tiếp nhận và xác nhận hồ sơ xin giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư theo thẩm quyền.

***c) Về xây dựng các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng:***

*Phương pháp thực hiện:*

 Hàng năm phối hợp với Ban Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, Ban Thường vụ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã tham mưu cho Chủ tịch UBND xã rà soát, kiện toàn Trung đội DQTV, Đội TNXK, Tổ đội quần chúng BVR ở thôn (bản) đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng để tham gia BVR, PCCCR (có danh sách thành viên các tổ đội cụ thể được Chủ tịch UBND xã phê duyệt, và bổ sung kịp thời khi có thay đổi về con người); tổ chức tập huấn, huấn luyện, trang bị dụng cụ CCR thiết yếu (dao phát, đèn pin, bình toong) để sẵn sàng tham gia tuần tra, kiểm tra rừng, truy quét lâm sản và thực hiện công tác PCCCR.

***d) Về huy động lực lượng dân quân tự vệ, các lực lượng và phương tiện khác trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng chống phá rừng trái phép:***

*Phương pháp thực hiện:*

Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã huy động lực lượng: DQTV, Công an xã, ĐTN, Tổ đội quần chúng BVR, chủ rừng để thực hiện việc tuần tra, kiểm tra an ninh rừng định kỳ hoặc đốt xuất và truy quét lâm sản, bắt giữ các đối tượng, phương tiện khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép; tuần tra canh gác lửa rừng, ngăn chặn người và phương tiện không có phận sự vào rừng tại các khu rừng trọng điểm cháy; huy động lực lượng CCR kịp thời theo phương án tác chiến CCR của xã, thôn (bản) trọng điểm cháy.

***đ) Về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản theo quy định của pháp luật:***

*Phương pháp thực hiện:*

Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã tổ chức kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, lập hồ sơ xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền, đúng hành vi vi phạm: Khi phát hiện các vụ vi phạm Luật Lâm nghiêp, KLV lập hồ sơ xử lý VPHC theo quy định của Luật Xử lý VPHC và Nghị định 35/2019/NĐ-CP của Chính phủ; nếu thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND xã thì tham mưu cho Chủ tịch UBND xã xử lý theo quy định, vượt thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã thì báo cáo Hạt trưởng.

***e) Về Xác nhận về nguồn gốc lâm sản theo quy định của pháp luật:***

*Phương pháp thực hiện:* Căn cứ thẩm quyền quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, KLV tham mưu Chủ tịch UBND xã quản lý, xác nhận hồ sơ lâm sản đúng theo quy định.

**III. NỘI DUNG NẮM BẮT THÔNG TIN VỀ ĐỊA BÀN XÃ ĐƯỢC GIAO PHỤ TRÁCH**

**1. Tình hình dân sinh, kinh tế trong địa bàn phụ trách (đối với xã):**

- Số thôn bản? dân số? số hộ? số hộ nghèo, cận nghèo? thành phần dân tộc? ở từng thôn bản.

- Diện tích ruộng nước (1 vụ - 2vụ)? bình quân đầu người? công trình thuỷ lợi hiện có?

- Các loài cây trồng chủ yếu (cây nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp), diện tích?

- Cơ sở hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, thông tin liên lạc…?

- Năng xuất các cây lương thực? lương thực bình quân/khẩu/năm? tổng thu nhập bình quân/người/ năm?

- Danh sách các hộ nghèo trong xã? các chính sách của NN đối với hộ nghèo đang thực hiện trên địa bàn?

- Danh sách các hộ có khó khăn về nhà ở? Số hộ có nhu cầu làm nhà mới, trong đó số hộ đã có gỗ, số hộ có rừng để khai thác gỗ làm nhà? hộ không có rừng để khai thác gỗ làm nhà.

- Trình độ dân trí (số người biết chữ, số học sinh ở các cấp học, số con em có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông….?), phong tục, tập quán của từng thôn (bản)?

- Nhu cầu sản xuất nương rẫy của người dân trong thôn (bản)? so sánh nương rẫy hiện tại đã đáp ứng chưa? nếu không thì giải quyết thế nào?

**2. Các thông tin về rừng và đất lâm nghiệp:**

- Diện tích tự nhiên, địa hình; sông suối; giáp ranh với các đơn vị hành chính;

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp toàn xã và từng thôn bản; độ che phủ;

- Diện tích 3 loại rừng (Sản xuất, phòng hộ, đặc dụng); chia theo thành phần quản lý (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân);

- Số hộ nhận đất, nhận rừng, số hộ có bìa đỏ, số nhóm hộ…

- Diện tích, vị trí nương rẫy của từng hộ ở từng thôn bản (cố định, luân canh).

- Phương thức, tập quán canh tác; Thời điểm phát rẫy trong năm.

- Loại cây trồng chủ yếu trên nương rẫy; cây lâm nghiệp được người dân ưa thích?

- Các loài cây bản địa? Các mô hình canh tác nông, lâm nghiệp có khả năng áp dụng

- Các hộ gia đình làm kinh tế lâm nghiệp giỏi trong xã.

- Các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn? mức hỗ trợ? đối tượng được hỗ trợ?

- Quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp? Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của xã (Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã, Nghị quyết của HĐND…)

**3. Lực lượng, công trình BVR, PCCCR:**

- Danh sách cán bộ xã, thôn (bản); danh sách BCĐ và Lâm nghiệp, các Đội, Tổ về bảo vệ rừng, PCCCR xã. Các phương án, kế hoạch BVR, PCCCR hiện có; các chương trình phối hợp, các văn bản chỉ đạo của cấp huyện, cấp xã. Quy ước BVR, PCCCR ở các thôn bản?

- Danh sách và hoạt động của các tổ BVR, PCCCR, tổ TNXK, đội tuyên truyền măng non ở thôn (bản)?

- Các hồ sơ khai thác lâm sản; danh sách các người/tổ chức thường xuyên thu mua, chế biến và vận chuyển lâm sản trên địa bàn;

- Các công trình BVR, PCCCR hiện có? Chất lượng sử dụng? nguồn vốn hình thành?

- Số lượng công cụ, dụng cụ PCCCR hiện có tại xã? nguồn vốn hình thành? Tình trạng sử dụng? Người quản lý? Lực lượng, phương tiện có thể huy động được nếu cháy rừng xảy ra.

- Nắm chắc các đối tượng hay khai thác, buôn bán vận chuyển gỗ trái phép.

- Các khu rừng trọng điểm về khai thác rừng, phá rừng, vùng rừng trọng điểm cháy.

- Số lượng cưa xăng hiện có trên địa bàn? các đối tượng hay dùng cưa xăng để KT trái phép gỗ?

*\* Từ các thông tin trên làm cơ sở để xây dựng kế hoạch công tác năm của KLĐB và tham mưu cho Chủ tịch UBND xã các giải pháp chỉ đạo thực hiện công tác BVR, PTR, PCCCR*

**Phần II.**

**TRÁCH NHIỆM QLNN VỀ LÂM NGHIỆP CỦA UBND CẤP XÃ**

**\* Căn cứ pháp lý:** khoản 3, Điều 102, Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm QLNN về Lâm nghiệpnhưsau:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, quyết định chương trình, dự án về phát triển lâm nghiệp bền vững, sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác nương rẫy và tổ chức thực hiện tại địa phương;

- Quản lý diện tích, ranh giới khu rừng; xác nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;

- Tổ chức thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương;

- Hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật;

- Tổ chức hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn; xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

*\* KLĐB có trách nhiệm tham mưu cho UNBD xã thực hiện các nhiệm vụ trên.*

*\* Hạt Trưởng Kiểm lâm huyện có trách nhiệm hướng dẫn, giao nhiệm vụ; đồng thời phối hợp với chủ tịch UBND xã kiểm tra, đôn đốc Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã tham mưu cho UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ trên.*

**Phần III.**

**NỘI DUNG THAM MƯU CHO CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ**

**CỦA KIỂM LÂM LÀM VIỆC TẠI ĐỊA BÀN**

**1. Thực hiện Chỉ thị số 13 - CT/TW** ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

- Căn cứ Chỉ thị số 13 - CT/TW; Nghị quyết số 71/NQ - CP ngày 08/8/2017 của Chính Phủ; Kế hoạch số 47/KH-UBND, ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa; các Kế hoạch, Chương trình hành động, văn bản chỉ đao của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 13 - CT/TW; các chỉ thị, nghị quyết, văn bản của các cấp về công tác lâm nghiệp; Căn cứ tình hình thực tế về công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn xã và Chỉ đạo của Hạt Trưởng; hàng năm, Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã tham mưu thực hiện như sau:

+ Phối hợp với Trực Đảng ủy tham mưu cho Đảng ủy ban hành Văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 13 - CT/TW của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn xã.

+ Tham mưu cho Đảng ủy kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, ban, bộ phận của xã, các chi bộ, thôn, bản thực hiện văn bản chỉ đạo của Đảng ủy; đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng, cả năm, và đưa vào chỉ tiêu đánh giá, xếp loại tổ chức Đảng hằng năm.

**2.** **Hằng năm Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã tham mưu cho Chủ tịch UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện các PA, KH, Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện công tác lâm nghiệp, như sau:**

- Kế hoạch thực hiện công tác lâm nghiệp trên địa bàn xã ***(Mẫu QL-01)*** và tham mưu xây dựng phương án PCCCR ***(Mẫu QL-02)*** theo Điều 45, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

- Văn bản chỉ đạo: Tháng 01 hằng năm tham mưu cho Chủ tịch UBND xã ban hành Công văn chỉ đạo thực hiện công tác lâm nghiệp trên địa bàn xã ***(Mẫu QL- 03);*** tùy theo diễn biến thực tế trên địa bàn khi có nguy cơ mất ổn định an ninh rừng thì tham mưu cho Chủ tịch UBND xã ban hành công văn chỉ đạo, như: Phòng chống khai thác rừng, phá rừng, PCCCR...

**3. Tham mưu công tác kiểm tra, đôn đốc các thôn (bản), chủ rừng thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR:**

- Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện công tác lâm nghiệp năm ... của xã đã ban hành, Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã căn cứ nhiệm vụ Hạt trưởng giao và tình thực tế của địa bàn tham mưu cho Chủ tịch UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác lâm nghiệp trên địa bàn xã hằng tháng ***(Mẫu QL- 04);*** Cuối tháng báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng với CT UBND xã, Hạt trưởng.

**4. Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã phê duyệt Kế hoạch phối hợp BVR, PCCCR giữa KLĐB với BCHQS xã, Công an xã, các Ban ngành của xã, KLV Tiểu khu (các Khu rừng đặc dụng), Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách (BQLR phòng hộ) trong công tác quản lý BVR, PTR và PCCCR:**

- Phối hợp BVR, PCCCR giữa Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã với BCHQS xã, Công an xã: Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã phối hợp với BCHQS xã, Trưởng Công an xã xây dựng Kế hoạch phối hợp BVR, PCCCR trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025, trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt thực hiện ***(Mẫu QL- 05 );*** trên cơ sở các nhiệm vụ phối hợp của kế hoạch này, đưa các nhiệm vụ phối hợp vào Kế hoạch năm, tháng của xã và tham mưu tổ chức thực hiện.

- Phối hợp BVR, PCCCR với KLV Tiểu khu (các Khu rừng đặc dụng), Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách (BQLR phòng hộ): Đề nghị Hạt trưởng phối hợp với Giám đốc các BQL bàn thống nhất các nội dung phối hợp của Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã với KLV Tiểu khu, Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách để chỉ đạo thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

**Phần IV.**

**THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ QLBVR, PCCCR, PTSDR TRÊN ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH**

**I. THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ LÂM NGHIỆP ĐẾN NHÂN DÂN**

**1. Biên soạn tài liệu tuyên truyền:**

***1.1. Khái niệm tài liệu tuyên truyền:***

Tài liệu tuyên truyền pháp luật là tài liệu dùng để tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn, phổ biến các quy định của pháp luật, một (một số) nội dung pháp luật trọng tâm cần tập trung tuyên truyền, phổ biến đến đến đối tượng được tuyên truyền một cách cụ thể, sát hợp, sinh động, phù hợp với bối cảnh, đối tượng được tuyên truyền nhưng vẫn đảm bảo cho đối tượng được tuyên truyền hiểu chính xác nội dung quy định của pháp luật và thực hiện thống nhất.

***1.2. Yêu cầu của việc xây dựng tài liệu:***

Xây dựng tài liệu tuyên truyền pháp luật p cần bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau:

*Về hình thức*: bố cục tài liệu phải rõ ràng, chặt chẽ, hợp lý, ngắn gọn. Ngôn ngữ được sử dụng trong tài liệu phải là ngôn ngữ đại chúng, cách hành văn giản dị, trong sáng, dễ hiểu.

*Về nội dung*: tài liệu phải tạo điều kiện cho người được tuyên truyền hiểu đúng mục đích, ý nghĩa của các quy định pháp luật, hiểu chính xác quy định của pháp luật, nắm được nội dung chính, cách áp dụng quy định trong thực tiễn đời sôngs.

*Về thời gian*: phải đảm bảo tính thời sự của nội dung tuyên truyền.

***1.3. Yêu cầu đối với người biên soạn tài liệu:*** Phải nghiên cứu kỹ và nắm vững nội dung các quy định của pháp luật; hiểu sâu sắc vấn đề mà văn bản pháp luật điều chỉnh; hiểu rõ đối tượng tuyên truyền; nắm vững tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, truyền thống ...; có vốn ngôn ngữ phong phú, lối hành văn giản dị, trong sáng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng.

**2. Những nội dung cơ bản trong công tác tuyên truyền pháp luật:**

***2.1. Khái niệm công tác tuyên truyền:***

Tuyên truyền là truyền bá giáo dục giải thích nhằm chuyển biến và nâng cao về nhận thức; bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, xây dựng thành niềm tin; thúc đẩy mọi người hành động một cách tự giác, nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

***2.2. Nội dung tuyên truyền giáo dục pháp luật về công tác QLBVR:***

- Tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác QLR, BVR, PTR, QLLS và PCCCR

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển rừng gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành (Đề án 500; công tác QL gỗ là nhà, QL Cưa xăng, Súng săn...)

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác PCCCR, Quy trình xử lý thực bì trong sản xuất nương rẫy.

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện trong việc cải tạo rừng, khai thác rừng...

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ và kiến thức QLBVR, PCCCR và các nội dung khác liên quân đến công tác QLBVR, PCCCR.

***2.3. Các hình thức, tuyên truyền:***

*- Tuyên truyền miệng:*

Là hình thức tuyên truyền trực tiếp bằng lời nói để thuyết phục người nghe nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và tổ chức họ hành động theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương công tác QLBVR, PCCCR. Hình thức này thường được sử dụng trong các bài giảng tập huấn, qua các cuộc họp thôn (bản), qua các buổi trao đổi, đối thoại, tọa đàm, tranh luận, hỏi đáp với nhân dân.

*- Tuyên truyền thông qua sử dụng hệ thống thông tin đại chúng:*

Hình thức này được thực hiện qua hệ thống truyền thông của như: báo; truyền hình của địa phương; loa truyền thanh của xã, thôn (bản).v.v... nên nó có ảnh hưởng sâu rộng, dễ tác động đến nhân dân, có tác dụng khích lệ họ học tập, làm theo.

*- Tuyên truyền thông qua hoạt động* *thư viện, sách báo, tranh ảnh, nhà văn hóa, câu lạc bộ, v.v..; các hình thức trực quan như khẩu hiệu, panô, áp phích, tờ rơi, v.v...:*

Khi sử dụng hình thức này cần chú ý lựa chọn các biểu tượng, hình tượng, hình ảnh, biểu trưng, v.v. có tính cụ thể, dễ hiểu, gần gũi với đời sống của nhân dân. Khi đó công tác tuyên truyền sẽ lôi cuốn được đông đảo quần chúng và sẽ đạt hiệu quả cao.

*- Tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức lễ hội truyền thống, hội thi, hội diễn...:*

Đây là hình thức tuyên truyền có bề rộng, dễ áp dụng vì được chuẩn bị kỹ, tiến hành thận trọng, khoa học. Hình thức này tạo được không khí hồ hởi, phấn khởi trong quần chúng tham gia, qua đó công tác tuyên truyền sẽ đạt hiệu quả cao.

*- Tuyên truyền thông qua các hoạt động tham quan thực tế, báo cáo điển hình, học tập gương người tốt, việc tốt:*

Hình thức tuyên truyền này sử dụng triệt để phương pháp nêu gương như: Tổ chức cho nhân dân đi tham quan, học tập những điển hình, mô hình tốt để họ học tập, làm theo. Qua đó hướng dẫn, khuyến khích động viên nhân dân học tập, làm theo gương điển hình, mô hình tiên tiến

*- Tuyên truyền lưu động; cổ động, phát động.*

***2.4. Phương pháp, tuyên truyền:***

*- Phương pháp thuyết phục:*

Là phương pháp dùng lý lẽ, các luận cứ, luận chứng để hình thành ở nhân dân một lập trường mới, có thể thay đổi quan điểm hoặc hành vi của họ về một vấn đề nào đó. Phương pháp này có tác dụng rất to lớn, ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ đến hiệu quả tuyên truyền bởi thuyết phục tốt sẽ làm cho nhân dân tự giác phấn khởi tin theo và có hành động tự giác, đạt được hiệu quả cao.

*- Phương pháp nêu gương:*

Là phương pháp sử dụng những sự việc, hiện tượng điển hình trong đời sống thực tế ở ngay địa phương, cơ sở ở địa bàn cụ thể, đưa ra các kiểu hành vi, lối sống tác động đến nhân dân, giúp họ hình thành những hành vi, lối sống phù hợp theo gương điển hình.

*- Phương pháp ám thị:*

Được sử dụng trong các hình thức tuyên truyền, cổ động có sử dụng các hình vẽ, tranh ảnh, panô, áp phích, quảng cáo... ngầm chỉ bảo cho biết. Khi áp dụng phương pháp này cán bộ tuyên truyền cần chú ý sử dụng hình ảnh biểu tượng, biểu trưng, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ để nhân đân dễ nhớ, dễ hiểu. Cần tránh các hình ảnh, biểu tượng thiếu văn hóa, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

**3. Kỹ năng tổ chức hội nghị tuyên truyền miệng của KLV:**

***3.1. Những ưu điểm và hạn chế của tuyên truyền miệng:***

- *Ưu điểm*: Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ nói, người nói đối thoại trực tiếp với người nghe. Chính vì thế, tuyên truyền miệng là hình thức tuyên truyền linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ nơi nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào cho một hoặc nhiều đối tượng.

 Người nói có thể biểu lộ thái độ, tình cảm của mình trước người nghe, kết hợp lời nói với cử chỉ... để diễn đạt nội dung nên hiệu quả tuyên truyền được nâng cao và tính chính xác cao.

- *Hạn chế:* Hình thức này không thể áp dụng đối với các đối tượng không hiểu ngôn ngữ mà người nói sử dụng; đối tượng có thính giác không hoàn chỉnh; bị tác động do trình độ nhận thức của đối tượng; bị giới hạn bởi điều kiện thực tế của hoạt động tuyên truyền *(địa điểm rộng hay hẹp, điều kiện về loa đài...).*

***3.2. Công tác chuẩn bị và trình tự tiến hành một cuộc họp dân ở thôn (bản):***

*\*Công tác chuẩn bị:*

- Bàn và thống nhất với lãnh đạo xã về nội dung họp, thời gian, thành phần tham gia.

- Thống nhất với các Trưởng thôn (bản) về việc tổ chức họp dân.

- Chuẩn bị kỹ nội dung, tài liệu cho cuộc họp.

- Kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị của thôn (bản)

- Thông báo trên giấy tại những nơi công cộng trước 1-2 ngày.

- Thông báo trên loa, đài nhiều lần ngay khi tổ chức cuộc họp.

*\*Trình tự tiến hành:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung, yêu cầu** | **Người thực hiện** |
| 1 | **Điểm danh**Ghi chép tên hộ vắng mặt, số hộ có mặt**.** | BQL Thôn (bản) |
| 2 | **Khai mạc** | Trưởng thôn |
| - Giới thiệu nội dung cuộc họp, thành phần tham gia |
| 3 | **Nội dung** | Kiểm lâm viên |
| Kiểm lâm viên khái quát những nội dung cần tuyên truyền, chương trình buổi họp. Nêu một số yêu cầu trong khi phát biểu .... |
| Tuyên truyền theo nội dung đó chuẩn bị theo trình tự, lô gic. Yêu cầu ngắn gọn, liên hệ thực tiễn với địa phương nơi mình phụ trách |
| 4 | **Thảo luận** | Trưởng thôn chủ trì, Kiểm lâm viên phải ghi các ý kiến để phản hồi hoặc phát hiện những vấn đề mới. |
| - Nên có nhiều ý kiến của người dân và đại diện các tổ chức chính trị xã hội, tuy nhiên phải tránh những ý kiến trùng lặp. |
| - Các ý kiến không nên quá dài, nếu xuất hiện người chủ trì phải nhắc nhở. |
| - Ý kiến của các vị đại biểu cựng tham gia cuộc họp và phản hồi của KLV nếu xét thấy cần thiết. |
| 5 | **Kết luận** | Trưởng thôn, hoặc Kiểm lâm viên (nếu được uỷ quyền) |
| Tóm tắt lại nội dung cuộc họp, các ý kiến đã phát biểu và kết quả đạt được sau cuộc họp |

***3.3. Một số điều cần lưu ý khi tổ chức họp dân tuyên truyền***

*Nên:*

- Khái quát nội dung cuộc họp, dự kiến thời gian kết thúc

- Bám sát nội dung, chủ đề cuộc họp, đi luôn vào trọng tâm.

- Đảm bảo giữ trật tự (người nói phải có người nghe)

- Tôn trọng, lắng nghe, khuyến khích các ý kiến phát biểu.

- Dùng từ thân mật như cụm từ “Đồng bào” hoặc “bà con” khi phát biểu.

- Cảm ơn sau mỗi ý kiến phát biểu.

- Tế nhị nhắc nhở đối với những người phát biểu quá dài.

- Thận trọng khi có ý định phê phán ai đó.

- Tạo bầu không khí thân mật, hoà nhã, vui vẻ nhưng nghiêm túc.

- Làm chủ trong mọi tình huống.

*Không nên:*

- Quá sang trọng hoặc quá xuề xoà trong cách ăn mặc (mặc đúng quy định của ngành).

- Tự đề cao mình, nghề nghiệp của mình khi phát biểu.

- Dùng từ khó hiểu khi phát biểu.

- Nói lan man, quá dài hoặc lặp lại những vấn đề đã nói.

- Bị kích động hoặc gay gắt phản ứng đối với những ý kiến “trái chiều”.

- Ba hoa, hứa suông hoặc phát biểu những vấn đề mà bản thân chưa nắm rõ.

- Ám chỉ, miệt thị ai đó hoặc dùng từ “dân tộc”, “dân đen”… khi phát biểu.

- Làm mất vai trò của người chủ trì cuộc họp.

***3.4. Kỹ năng thuyết trình:***

*\*Khái niệm thuyết trình và xây dựng nội dung thuyết trình:*

Thuyết trình là [quá trình truyền đạt thông tin](http://www.saga.vn/Search.aspx?k=truy%e1%bb%81n%20th%c3%b4ng) nhằm đạt được các mục tiêu; xây dựng một bài thuyết trình gồm 3 bước: Phân tích, Cấu trúc, Thực hiện.

Thứ nhất: Bạn cần xác định mục tiêu của việc thuyết trình, ví dụ cái bạn muốn người nghe hiểu là gì, quan hệ bạn muốn tạo dựng là gì, với ai và cái bạn muốn người nghe thực hiện.

Thứ hai: Bạn cần phân tích người nghe bằng cách hay suy nghĩ về chủ đề thuyết trình dưới góc độ của người nghe, tập trung vào kiến thức của họ về vấn đề bạn thuyết trình đến đâu, ngôn ngữ sử dụng như thế nào, mối quan tâm của họ là gì, những định kiến, tâm trạng, quan hệ của người nghe…

Thứ ba: Là lúc bạn thực hiện phân tích các ý tưởng và xây dựng mạch ý tưởng.

*\* Lắng nghe:*

Người làm công tác tuyên truyền nên trang bị cho mình kỹ năng lắng nghe, vì có lắng nghe thì mới hiểu được người dân đang nghĩ gì, mong muốn gì để từ đó chúng ta lựa chọn nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp.

*\* Ghi chép:*Để tránh làm phiền lũng người khác hoặc ngắt lời người nói, bạn cần ghi lại những ý kiến quan trọng để không bị quên hoặc nêu ra những câu hỏi quá bất ngờ.

*\* Ngôn ngữ, cử chỉ khi giao tiếp:*

Cần tìm mọi cách để tạo cho mọi người cảm giác thoải mái, hài lòng cao nhất khi được nghe nhằm kích thích việc trao đổi thông tin theo chiều hướng có lợi.

- Giới thiệu một số loại hình tuyên truyền khác; Ký cam kết BVR, PCCCR;

- Tuyên truyền bằng hệ thống bảng tin, biển báo; Xây dựng quy ước BVR, PCCCR ở thôn, bản.

- Mít tinh, cổ động, tổ chức các cuộc thi vẽ tranh trong trường học; Tuyên truyền bằng loa đài lưu động và truyền thanh ở xã, thôn (bản).

- Tổ chức lưu diễn văn nghệ quần chúng có chủ đề BVR, PCCCR; Tuyên truyền trên sóng truyền hình hoặc tổ chức tuyờn truyền lưu động bằng hình ảnh trực quan, phim tài liệu thông qua máy chiếu + máy vi tính xách tay.

**II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỪNG, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG**

**1. Nội dung thực hiện công tác cập nhật, theo dõi diễn biến rừng (DBR):**

a) Công tác thu thập thông tin biến động về rừng:

- Tham mưu tuyên truyền, thông báo, đôn đốc các chủ rừng cung cấp thông tin (theo mẫu báo cáo thông tin biến động về rừnghoặc gọi điện thoại thông báo cho KLĐB) khi có biến động về tài nguyên rừng, như: khai thác rừng trồng, trồng mới rừng, cháy rừng ...

- Phối hợp với Trưởng các thôn, bản để nắm bắt biến động về rừng, đồng thời định kỳ vào thời gian cuối tháng tổ chức kiểm tra thực địa các thôn, bản nhằm phát hiện các biến động về tài nguyên rừng, để tiến hành cập nhật kịp thời, đầy đủ các khu rừng có biến động theo quy định.

- Thu thập, lưu trữ các tài liệu liên quan đến biến động tài nguyên rừng trên địa bàn phụ trách.

b) Công tác điều tra, đo đạc, đánh giá diện tích rừng biến động

- Phối hợp với cán bộ địa chính xã, Trưởng thôn, bản, chủ rừng kiểm tra diện tích rừng có biến động, cách làm: Sử dụng GPS, máy tỉnh bảng thực hiện khoanh vùng diện tích biến động về tài nguyên rừng trên thực địa, lấy các điểm tọa độ, đánh dấu trên bản đồ; điều tra, đánh giá hiện trạng rừng tại khu rừng có biến động.

- Cuối tháng gửi số liệu, hồ sơ cập nhật cho cán bộ tổng hợp hạt để tổng hợp và cập nhật vào phần mền diễn biến rừng (Nội dụng này cán bộ tổng hợp hạt hướng dẫn cụ thể cho KLĐB).

***(Tổng hợp theo Mẫu phiếu cập nhật từ 01-06)***

**2. Các nội dung tham mưu thực hiện công tác PCCCR:**

**2.1. Tham mưu cho Chủ tịch UNBD xã thực hiện công tác phòng cháy:**

- Kiện toàn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo xã (BCĐ) thực hiện nhiệm vụ PCCCR;

- Hướng dẫn chủ rừng (chủ rừng là tổ chức và hộ gia đình) xây dựng Phương án PCCCR ***(Mẫu QL- 06, 07),*** hằng năm bổ xung nếu có thay đổi;

- Xác định vùng trọng điểm cháy rừng, xây dựng bản đồ tác chiến CCR...

- Thực hiện công tác tuyên truyền PCCCR, thông báo cảnh báo cấp cháy rừng;

- Kiện toàn, bổ sung đầy đủ lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng (CCR) cấp xã, thôn (bản) sẵn sàng tham gia CCR;

- Phân công trực chỉ huy PCCCR tại UBND xã, bố trí lực lượng tuần tra canh gác lửa rừng, trực canh gác lửa rừng tại các khu rừng có nguy cơ cháy cao;

- Tổ chức quản lý tốt các nguyên nhân gây cháy rừng, như: Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã hướng dẫn người dân địa phương sử dụng lửa khi vào rừng; đốt xử lý thực bì trên nương, rẫy, trồng rừng, vệ sinh ruộng, vườn, vệ sinh rừng sau khai thác rừng, trong sản xuất, canh tác nông lâm nghiệp, đốt ong; sử dụng lửa tại các lễ hội, các khu vui chơi giải trí, tham quan, du lịch sinh thái trong và ven rừng; hóa vàng mã tại các đền, chùa, nghĩa trang, nghĩa địa; đốt bãi rác... Quy định rõ thời gian, địa điểm, cách thức đốt xử lý thực bì trên địa bàn xã; (khi dự báo cấp cháy rừng từ cấp III trở lên thì nghiêm cấm đốt xử lý thực bì trong và ven rừng); tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng, nhất là đồng bào người HMông tại các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, các hộ gia đình sinh sống ven rừng khu vực trung du và đồng bằng ven biển.

- Giải quyết mâu thuẫn dẫn đến đốt rừng: Kiểm lâm làm việc tại địa bàn xã phối hợp chặt chẽ với Công an xã; Ban công tác Mặt trận xã, thôn, bản, thâm nhập các thôn, bản, nắm bắt thông tin, bằng kỹ năng nghiệp vụ, các mối quan hệ để phát hiện sớm các mâu thuẫn ở địa bàn xã để tham mưu cho Hạt trưởng, Chủ tịch UBND xã thuyết phục, giải quyết dứt điểm tạo sự đồng thuận, hạn chế thấp nhất nguy cơ cố ý đốt phá hoại rừng do các mâu thuẫn.

- Thực hiện các giải pháp làm giảm vật liệu cháy dưới tán rừng, làm đường băng cản lửa, xử lý thực bì sau khai thác rừng, trồng rừng ...

- Quản lý và tu sửa biển cấm, biển báo, bảng tin PCCCR có trên địa bàn xã.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện công tác PCCCR cho lực lượng PCCCR cấp xã, như: Lực lượng DQTV, Công an viên, đoàn thanh niên, cán bộ xã, thôn,bản;

- Công tác kiểm tra PCCCR tại các thôn, bản, chủ rừng: Tham mưu cho các thành viên BCĐ xã tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác PCCCR tại các thôn, bản được phân công trong các tháng cao điểm cháy rừng.

**2.2. Công tác chữa cháy rừng:**

- Phát hiện sớm điểm cháy rừng *(cài cắm nắm bắt thông tin tại các thôn, bản; thông qua các lực lượng tuần tra, trực canh gác lửa rừng, hệ thống Camera ...)*, báo cáo ngay cho Chủ tịch UBND xã để chỉ đạo, huy động lực lượng CCR; đồng thời báo cáo cho Hạt trưởng biết để chỉ đạo *(báo cáo bằng điện thoại)*, tham mưu cho Chủ tịch UBND xã chỉ huy chữa cháy rừng, thực hiện phương châm 4 tại chỗ;

- Vận hành cơ chế CCR cấp xã như sau:

+ Cháy rừng ở thôn, bản nào thì Trưởng thôn (bản) đó huy đông ngay lực lượng, phương tiện, dụng cụ của người dân và các chủ rừng liền kề nhanh chóng đến hiện trường CCR; trực tiếp chỉ huy CCR, đồng thời báo cáo với Chủ tịch UBND xã về vị trí, thời gian, địa điểm cháy rừng, đã huy động tổng số lực lượng, phương tiện, dụng cụ tham gia CCR;

+ Trường hợp thôn (bản) dập tắt đám cháy, thì tham mưu cho Chủ tịch UBND xã chỉ đạo chức năng của xã đến hiện trường kiểm tra, xác minh đề xuất biện pháp xử lý theo quy định pháp luật;

+ Nếu đám cháy vượt quá tầm kiểm soát của thôn (bản) đề nghị Chủ tịch UBND xã huy động tăng cương lực lượng, phương tiện, dụng cụ của xã, thôn (bản) liền kề nhanh chóng đến hiện trường để tham gia CCR; Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ huy CCR, đồng thời chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện về vị trí, thời gian, địa điểm xay ra đám cháy, lực lượng phương tiện đã huy động chữa cháy; sau khi chỉ huy dập tắt đám cháy, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo Công an, Kiểm lâm địa bàn tiến hành kiểm tra, xác minh, nguyên nhân, đối tượng gây ra cháy rừng, diện tích thiệt hại do cháy rừng gây ra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND xã (hoặc) cơ quan có thẩm quyền xử lý đối tượng vi phạm theo quy định pháp luật; Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện.

+ Đám cháy có nguy cơ vượt quá tầm kiểm soát của UBND xã, tham mưu cho Chủ tịch UBND xã báo cáo, đề nghị Chủ tịch UBND huyện tăng cường lực lượng, phương tiện, dụng cụ CCR của huyện đến hiện trường CCR, Chủ tịch UBND huyện trực tiếp chỉ huy CCR.

**3. Nội dung quản lý sản xuất nương rẫy:**

- Thống kê, xác định cụ thể hiện trạng diện tích, loại hình canh tác và các hộ đang canh tác nương rẫy trên địa bàn xã ***(Mẫu QL-08)***để quản lý;

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã ban hành hướng dẫn thực hiện canh tác nương rẫy và tuyên truyền, phố biến cho người dân thực hiện *(quy trình: Phát dọn toàn bộ thực bì, phơi khô và vun thành giải rộng 2-3m, giải nọ cách giải kia 5-6m; giải sát bìa rừng phải cách xa rừng từ 15-20m tùy vào độ dốc, đốt lúc gió nhẹ vào thời gian từ 7 – 9 h sáng; đốt lần lượt từng giải, thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi. Khi đốt thực bì phải có người canh gác, trước khi đốt phải báo với Truởng thôn (bản) để tổng hợp báo cáo UBND xã. Chỉ khi được sự đồng ý của UBND xã thì mới được đốt. Đốt xong, kiểm tra toàn bộ nương cho tới khi lửa tắt hoàn toàn mới ra về; trong thời điểm nắng nóng, khô hanh, nguy cơ cháy rừng ở cấp cực kỳ nguy hiểm từ cấp III trở lên phải dừng việc đốt nương rẫy, đốt xửa lý thực bì sau khai thác gần rừng).*

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ các hoạt động sản xuất nương rẫy gần rừng tự nhiên; tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn người dân trong quá trình sản xuất nương rẫy; nghiêm cấm các hành vi phá rừng làm nương rẫy, trồng rừng và sử dụng vào các mục đích khác.

- Xử lý nghiêm minh người có hành vi vi phạm hoặc lợi dụng canh tác nương rẫy để phá rừng trái phép hoặc vi phạm các quy định PCCCR;

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả việc quản lý sản xuất nương rẫy và xây dựng kế hoạch quản lý năm tiếp theo.

**III. CÔNG TÁC SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG:**

**1. Một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa:**

***1.1. Chính sách đầu tư trồng rừng đặc dụng, phòng hộ, hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất:***

*1.1.1. Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất:*

*- Căn cứ pháp lý:* Khoản 1, Điều 5, Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

*- Nguồn vốn:* Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

*- Nội dung, đối tượng:* Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc được quy hoạch là rừng sản xuất.

*- Định mức:*

+ Hỗ trợ 8 triệu đồng/ha trồng các loài cây gỗ lớn, cây đa mục đích, cây bản địa.

+ Hỗ trợ 5 triệu đồng/ha trồng các loại cây gỗ nhỏ.

+ Trồng rừng tại các xã biên giới hỗ trợ thêm 2 triệu đồng/ha.

(*Quyết định 1978/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

*1.1.2. Đầu tư trồng rừng đặc dụng, phòng hộ:*

*- Căn cứ pháp lý:* Khoản 1, Điều 6, Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

*- Nguồn vốn:* Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

*- Nội dung, đối tượng:* Đầu tư cho chủ rừng nhà nước, tổ chức ngoài quốc doanh, hộ gia đình, cá nhân trồng rừng trên diện tích đất quy hoạch là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

*- Định mức:* 30 triệu đồng/ha (*Quyết định 1978/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

***1.2. Chính sách Trồng rừng thay thế:***

*- Căn cứ pháp lý:* Thông tư 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019.

*- Nguồn vốn:* Vốn ủy thác trồng rừng thay thế.

*- Nội dung, đối tượng:* Đầu tư trồng rừng thay thế trên diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Trong trường hợp địa phương không còn quỹ đất trống để trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ.

*- Định mức:* Hiện nay đang vận dụng áp dụng chung định mức với Trồng rừng Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững (*Quyết định 1978/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh UBND tỉnh*)

***1.3. Chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng, hỗ trợ khoán bảo vệ rừng:***

*1.3.1. Chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng:*

*- Căn cứ pháp lý:* Điều 4, Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, Thông tư 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Liên bộ: Tài chính- Nông nghiệp và PTNT.

 *- Nguồn vốn:* Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

*- Nội dung, đối tượng:* Rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên của hộ gia đình đồng bào thiểu số, hộ gia đình người kinh nghèo, cộng đồng dân cư thôn thuộc xã khó khăn khu vực II, khu vực III vùng dân tộc miền núi.

*- Định mức:* 400 nghìn/ha

*3.2. Chính sách hỗ trợ khoán bảo vệ rừng:*

*- Căn cứ pháp lý:* Khoản 3, Điều 6, Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính.

*- Nguồn vốn:* Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

*- Nội dung, đối tượng:* Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư nhận khoán bảo vệ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng; các đơn vị vũ trang; diện tích chưa giao, chưa cho thuê do UBND xã quản lý.

*- Định mức:* Bình quân 300 nghìn đồng/ha, rừng ven biển 450 nghìn đồng/ha; đối tượng Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ 400 nghìn/ha (hạn mức diện tích nhận khoán không quá 30 ha/hộ gia đình).

***1.4. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng:***

*- Căn cứ pháp lý:* Chương V, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

*- Nguồn vốn:* Tiền dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

*- Nội dung, đối tượng:* Chi trả cho diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng. Diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng hàng năm được cập nhật theo kết quả kết quả diễn biến tài nguyên rừng.

*- Định mức:* Theo quy định tại điều 59, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. Mức chi trả cụ thể được quỹ bảo vệ và phát triển rừng thanh toán hàng năm căn cứ vào kết quả thu dịch vụ môi trường rừng của năm liền kề.

***1.5. Chính sách hỗ trợ cấp Chứng chỉ rừng bền vững FSC:***

*- Căn cứ pháp lý:* Khoản 5, Điều 5, Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

*- Nguồn vốn:* Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

*- Nội dung, đối tượng:* Diện tích rừng được cấp Chứng chỉ FSC, quy mô 100,0 ha trở lên.

*- Định mức:* 300 nghìn đồng/ha

***1.6. Chính sách Hỗ trợ vùng luồng thâm canh (Tái cơ cấu):***

*- Căn cứ pháp lý:* Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 339/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

*- Nguồn vốn:* Ngân sách tỉnh

*- Nội dung, đối tượng:*

+ Hỗ trợ thâm canh rừng luồng: Hỗ trợ phân bón năm thứ nhất và năm thứ hai thực hiện thâm canh rừng luồng.

+ Hỗ trợ nâng cấp đường lâm nghiệp: Cứ 200 ha rừng luồng được hỗ trợ 1 km đường lâm nghiệp cấp IV.

*- Định mức:*

+ Hỗ trợ thâm canh rừng luồng: 4 triệu đồng/ha/2 năm.

+ Hỗ trợ nâng cấp đường lâm nghiệp: 230 triệu đồng/km

**2. Nội dung thực hiện trồng, chăm sóc rừng theo các chương trình dự án:**

***2.1. Căn cứ pháp lý để thực hiện:***

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và hỗ trợ đầu kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với công ty nông, lâm nghiệp;

-Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT ngày 14/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 38/2016/QĐTTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về

- Thông tư số 13/2019/TT- BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

- Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt “Đề án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác”;

- Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt mức hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt cơ chế quản lý, sử dụng tiền ủy thác trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh;

***2.2. Về đối tượng trồng rừng:***

*2.2.1. Đối với nguồn vốn ủy thác trồng rừng thay thế:*

- Đối với rừng phòng hộ, đặc dụng: Đất trống quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng.

- Đối với rừng sản xuất: Theo quy định tại: Điều 4, Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; khoản 1 Điều 5, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, gồm:

+ Đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình quản lý.

+ Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III do Chính phủ quy định).

*2.2.2. Nguồn vốn chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững:*

-Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: Đất trống quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng.

- Trồng rừng sản xuất: Theo điều 5 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016: Tổ chức hộ gia đình cá nhân và cộng đồng trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc được quy hoạch là rừng sản xuất.

***2.3. Thẩm quyền phê duyệt:***

- Tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh, quy định “Cơ quan phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh là cơ quan quyết định đầu tư dự án. Người quyết định đầu tư có thể phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt cho cơ quan cấp dưới theo quy định”.

- Theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân cấp, ủy quyền phê duyệt kết giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính “*Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư*)”.

- Theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục 3 thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lãnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT/UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa thì:

+ “*Sở Nông nghiệp và PTNT được giao Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)*”;

+ “*UBND cấp huyện được phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)*”.

***2.4. Quyền và nghĩa vụ******của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng (gọi tắt là chủ rừng) khi trồng rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ:***

*2.4.1. Trồng rừng sản xuất:*

- Quyền lợi: Được hưởng toàn bộ sản phẩm từ rừng trồng, khi khai thác sản phẩm được tự do lưu thông và được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn giảm thuế và tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ rừng sử dụng tối đa 30% diện tích đất đã được giao, được thuê nhưng chưa có rừng để đầu tư phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp, trong đó diện tích đất dành cho xây dựng hạ tầng (đường giao thông, công trình kiên cố, nhà máy) tối đa là 20%.

- Nghĩa vụ:

+ Khi khai thác sản phẩm rừng trồng, chủ rừng phải nộp cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của xã và Quỹ bảo vệ phát triển rừng thôn, bản, số tiền tương đương với 80 kg thóc/ha/chu kỳ rừng trồng, trong đó trích nộp cho mỗi quỹ là 50%.

+ Diện tích rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng nhận khoán của các Ban Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ hoặc doanh nghiệp quốc doanh (gọi tắt là bên giao khoán) thì chủ rừng (bên nhận khoán) nộp số tiền trên cho bên giao khoán. Ngoài ra chủ rừng không phải nộp thêm bất cứ khoản gì cho bên giao khoán.

+ Sau khi khai thác rừng trồng, trong vòng 12 tháng, chủ rừng phải tự tổ chức trồng lại rừng theo quy định.

+ Chủ rừng đã nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước để trồng rừng, nếu sau 5 năm mà rừng không đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước thì chủ rừng phải tự bỏ vốn để trồng lại rừng hoặc phải hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước số tiền đã nhận hỗ trợ cộng với lãi suất thương mại tại thời điểm thu hồi.

+ Trường hợp mất rừng do nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, sâu bệnh không phải hoàn trả số tiền đã nhận hỗ trợ.

*2.4.2. Trồng rừng phòng hộ:*

- Quyền lợi: Được hưởng hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định này và toàn bộ sản phẩm của rừng mang lại khi được phép khai thác từ rừng theo quy định của Nhà nước.

- Nghĩa vụ: Phải trồng và bảo vệ rừng phòng hộ theo pháp luật về bảo vệ rừng hiện hành.

***2.5. Những nội dung công việc của KLV cần thực hiện:***

- Tham mưu cho Ban phát triển rừng xã thực hiện các nội dung sau:

+ Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân về các cơ chế chính sách về phát triển rừng, tiêu chuẩn cây giống, phương pháp xử lý thực bì, làm đất, kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng.

+ Rà soát, tổng hợp diện tích đất trống đủ điều kiện tham gia trồng rừng theo các chương trình dự án để đăng ký nhu cầu trồng rừng hằng năm.

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế hưởng lợi đối với diện tích rừng trồng đã đến tuổi khai thác.

+ Hằng tháng tổng hợp kết quả thực hiện công tác trồng rừng, cây trồng phân tán trên địa bàn báo cáo về Hạt Kiểm lâm để tổng hợp số liệu báo cáo thống kê lâm nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện công tác trồng rừng đối với diện tích trồng rừng theo chương trình dự án mà Hạt Kiểm lâm làm chủ dự án.

**3.** **Nội dung thực hiện công tác quản lý khai thác lâm sản:**

***3.1. Trình tự, thủ tục khai thác đối với động vật rừng, thực vật rừng loại thông thường theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT:***

*3.1.1. Khai thác gỗ từ rừng tự nhiên:*

Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp việt nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*3.1.2. Khai thác tận dụng gỗ từ rừng tự nhiên:*

Hồ sơ khai thác phải có: bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng hoặc bản sao dự án lâm sinh hoặc chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được duyệt; bản chính báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác;

 Trước khi khai thác, chủ rừng là tổ chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đã nêu trên đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh nơi khai thác; đối với chủ rừng là cá nhân thì nộp tại cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổng hợp, kiểm tra trong quá trình khai thác; sau khai thác, chủ lâm sản lập và trình cơ quan Kiểm lâm sở tại xác nhận vào bảng kê lâm sản.

*3.1.3. Khai thác thực vật ngoài gỗ và dẫn xuất của thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên:*

 Hồ sơ gồm: Bản chính báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác;

 Trước khi khai thác chủ rừng nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 1 bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổng hợp, giám sát, kiểm tra khai thác; sau khai thác chủ lâm sản lập bảng kê lâm sản.

 *3.1.4. Khai thác ĐVR thông thường, bộ phận, dẫn xuất của chúng từ rừng tự nhiên:*

 Hồ sơ gồm: Phương án khai thác; trước khi khai thác chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân khai thác (không phải là chủ rừng) nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 1 bộ hồ sơ đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh nơi khai thác; **Chi cục Kiểm lâm thẩm định hồ sơ**; Hội đồng thẩm định gồm: Chi cục Kiểm lâm, Sở tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện nơi khai thác và có thể mời thêm thành phần khác; Thủ trưởng Chi cục Kiểm lâm là chủ tịch Hội đồng. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác và lập biên bản thẩm định. Chi cục Kiểm lâm phê duyệt phương án khai thác khi có tối thiểu 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý; sau khai thác, chủ lâm sản lập và trình cơ quan Kiểm lâm sở tại xác nhận bảng kê lâm sản.

 *3.1.5. Khai thác chính gỗ rừng trồng do Nhà nước là đại diện:*

 Hồ sơ gồm: Phương án khai thác; trước khi khai thác, chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân khai thác (khi tổ chức, cá nhân không phải là chủ rừng) nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 1 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng và cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổng hợp, kiểm tra khai thác; sau khai thác, chủ lâm sản lập bảng kê lâm sản.

 *3.1.6. Khai thác tận dụng gỗ rừng trồng do nhà nước là đại diện:*

 Hồ sơ gồm: bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng hoặc bản sao dự án lâm sinh hoặc chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt; báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác; trước khi khai thác, chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân (không phải chủ rừng) nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 1 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng và cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổng hợp giám sát, kiểm tra khai thác; sau khai thác chủ lâm sản lập bảng kê lâm sản.

 *3.1.7. Khai thác tận thu gỗ rừng trồng do nhà nước là đại diện:*

 Hồ sơ gồm: báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác; trước khi khai thác chủ rừng nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 1 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng và cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổng hợp, giám sát, kiểm tra quá trình khai thác; sau khai thác chủ lâm sản lập bảng kê lâm sản.

 **Ghi chú:** Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận khai thác gỗ rừng trồng bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh phê duyệt nguồn vốn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện tại Công văn số 12899/UBND-NN ngày 23/8/2021.

 *3.1.8. Khai thác rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân:*

 Đối tượng khai thác: Gỗ rừng trồng, gỗ vườn, cây trồng phân tán bao gồm cả gỗ được trồng theo các chính sách, dự án hỗ trợ của nhà nước; thực vật ngoài gỗ và dẫn xuất của chúng; chủ rừng tự quyết định việc khai thác và tự lập bảng kê lâm sản.

 ***3.2. Nội dung về******khai thác, nuôi, trồng, chế biến, kinh doanh, quảng cáo, vận chuyển, xuất khẩu mẫu vật TVR, ĐVR nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP 22 tháng 01 năm 2019:***

 - Nếu thuộc nhóm I thì áp dụng quy định đối với loài thuộc Phụ lục I Cites.

 - Nếu thuộc nhóm II thì áp dụng quy định đối với loài thuộc Phụ lục II Cites.

 Riêng đối với loài thuộc nhóm I nhưng không thuộc Phụ lục I Cites thì được miễn trừ giấy phép Cites nhập khẩu trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu.

 *3.2.1.Khai thác từ tự nhiên mẫu vật TVR, ĐVR thuộc nhóm I và Phụ lục I Cites trong các trường hợp:* Phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản, trồng cấy nhân tạo; phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng.

 *3.2.2. Khai thác từ tự nhiên mẫu vật thuộc nhóm II hoặc Phụ lục II Cites trong các trường hợp:* Phục vụ các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học; tạo nguồn giống phục vụ nuôi sinh sản, trồng cấy nhân tạo; phục vụ công tác đối ngoại; phục vụ thương mại bền vững theo quy định của pháp luật;

 *3.2.3. Điều kiện khai thác:*

 Có phương án khai thác (theo mẫu 01 và 02 của NĐ 06); trước khi khai thác phải thông báo cho cơ quan quản lý lâm nghiệp cấp tỉnh để giám sát thực hiện; khi khai thác không làm ảnh hưởng tiêu cực đến bảo tồn và phát triển bền vững của quần thể; thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và Cites về khai thác mẫu vật.

 *3.2.4. Kiểm tra, giám sát khai thác:*

Cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

***3.3. Những nội dung công việc của KLV cần thực hiện:***

Tham mưu cho chính quyền địa phương tổ chức thực hiện:

- Tuyên truyền các quy định về khai thác lâm sản cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát kết quả khai thác lâm sản trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

- Hằng tháng tổng hợp số liệu về khai thác lâm sản trên địa bàn gửi báo cáo về Hạt Kiểm lâm để tổng hợp số liệu báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp.

**4. Chuyển mục đích sử dụng rừng :**

***4.1. Căn cứ pháp lý:***

- Căn cứ Luật lâm nghiệp năm 2017.

- Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

 - Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/nđ-cp ngày 16 tháng 11 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật lâm nghiệp.

***4.2. Nguyên tắc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:***

1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất; diện tích rừng hiện có tại địa phương.

2. Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt.

3. Thống nhất, đồng bộ chuyển mục đích sử dụng đất.

***4.3. Căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:***

1. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhu cầu sử dụng rừng thể hiện trong dự án đầu tư đối với tổ chức; đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

***4.4. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:***

1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Có dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

4. Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.

***4.5. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:***

1. Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 500 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20,0 ha; rừng sản xuất dưới 50,0 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

***4.6. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:***

Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương, Hạt Kiểm lâm huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức điều tra, xác định cụ thể vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng) trong khu vực thực hiện dự án làm cơ sở thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện các dự án nêu trên. Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Chủ đầu tư.

- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);

- Tài liệu về đánh giá tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan khác.

Sau khi hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định, Chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và PTNT để báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định*.*

***4.7. Những nội dung công việc của KLV cần thực hiện:***

- Tham mưu cho Chính quyền địa phương triển khai, hướng dẫn các chủ dự án, các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã các quy định, trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn.

- Tổng hợp số liệu các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn báo cáo về hạt để cập nhật lên phần mềm theo dõi diễn biến rừng hằng năm.

**IV. CÔNG TÁC CHỐNG CHẶT PHÁ RỪNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ LÂM NGHIỆP**

**1. Phương pháp cài cắm, nắm bắt và xử lý thông tin:**

Cài cắm, nắm bắt và xử lý thông tin vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng, chống buôn lậu lâm sản gồm 5 bước, cụ thể:

***- Bước 1****:* Xác định rõ mục tiêu, thông tin cần nắm:

+ Thông tin về đối tượng: Xác định đối tượng thường xuyên khai thác, mua bán, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái pháp luật; đối tượng phá rừng trái pháp luật trên địa bàn quản lý.

+ Thông tin về phương tiện: Xác định các phương tiện thường xuyên vận chuyển, lâm sản trái pháp luật trên địa bàn và qua địa bàn.

+ Thông tin về tụ điểm: Xác định các tụ điểm nóng về khai thác, phá rừng, tuyến vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

+ Thông tin về các khu vực, tuyến trọng điểm: Xác định tuyến trọng điểm về vận chuyển lâm sản trái pháp luật; khu vực trọng điểm về khai thác, phá rừng, xâm lấn rừng trái pháp luật, cháy rừng...

+ Xác định cá nhân, tổ chức sở hữu các thông tin đó.

***- Bước 2:*** Tiến hành thu thập các thông tin đó.

+ Thu thập thông tin từ nguồn có sẵn: Từ các cơ quan truyền thông, từ phản ánh của nhân dân (qua phát giác, tố giác), số điện thoại đường dây nóng…

+ Thu thập thông tin qua các thiết bị điện tử: Camera giám sát, thiết bị flycam, các phần mềm chuyên dụng…

+ Cài gián điệp vào vùng mục tiêu: Thu thập thông tin từ những cá nhân có sở hữu các nguồn thông tin, các đối tượng đã từng bị xử lý, mua thông tin từ các đối tượng chỉ điểm có kinh nghiệm…

***- Bước 3:*** Tập hợp các thông tin đã thu thập, so sánh, đánh giá và đối chiếu.

+ Phân tích nguồn thông tin.

+ Đối chiếu với tình hình thực tế ở địa bàn để đánh giá mức độ chính xác nguồn thông tin.

+ Kiểm chứng thực tế nguồn thông tin (nếu có thể).

***- Bước 4:*** Chuyển thông tin đã thu thập và xử lý cho cấp trên: Thông tin chuyển phải đảm bảo kịp thời.

***- Bước 5:*** Quyết định sử dụng nguồn thông tin thu thập được:

+ Xử lý thông tin theo chỉ đạo của cấp trên.

+ Tự quyết định giải pháp để xử lý thông tin.

**2. Nội dung, phương pháp tham mưu thực hiện quản lý gỗ làm nhà, cưa xăng, súng săn:**

***2.1. Quản lý gỗ làm nhà:***

*- Nội dung quản lý:*

+ Chỉ thực hiện công tác tham mưu quản lý gỗ làm nhà đối với số lượng, khối lượng gỗ đã được thống kê, kiểm kê trong Phương án quản lý gỗ làm nhà giai đoạn 2013-2020 (đã được phê duyệt).

+ Đối với gỗ và lâm sản không nằm trong Phương án nêu trên, thực hiện quản lý theo các văn bản pháp luật hiện hành.

+ Chủ hộ gia đình có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ lâm sản tương ứng với từng giai đoạn của chuỗi cung ứng lâm sản (theo điều 32, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT).

*- Phương pháp:*

+ Căn cứ vào hồ sơ quản lý, biên bản kiểm tra của Kiểm lâm (có trong Phương án) Kiểm lâm làm việc tại địa bàn (gọi tắt là Kiểm lâm viên) chủ trì, tham mưu cho chính quyền thôn, xã thực hiện kiểm kê, giám sát gỗ làm nhà của các hộ gia đình đúng theo hồ sơ hiện có; nếu phát hiện gỗ phát sinh không có hồ sơ hợp pháp, lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Khi các hộ gia đình có nhu cầu sử dụng gỗ đã kiểm kê (theo Phương án quản lý gỗ làm nhà) để làm nhà ở, yêu cầu các hộ gia đình làm đơn gửi UBND xã xác nhận, Kiểm lâm viên chủ trì tham mưu giải quyết và thực hiện khấu trừ lùi khối lượng, số lượng gỗ đã được thống kê theo Phương án, báo cáo cấp trên theo quy định.

+ Hàng năm, Kiểm lâm viên ở các xã trọng điểm an ninh rừng tham mưu cho HĐND cấp xã, huyện để lồng ghép đưa nội dung quản lý gỗ làm nhà, cưa xăng, súng săn vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân.

+ Tổng hợp kết quả báo cáo định kỳ cho cơ quan quản lý cấp trên *(Trạm trưởng, Hạt trưởng, Chủ tịch UNBD xã)*.

***2.2. Đối với quản lý cưa xăng, súng săn:***

- Kiểm lâm viên chủ trì tham mưu cho chính quyền thôn, xã vận động, tuyên truyền người dân ký cam kết, không sử dụng cưa xăng để khai thác gỗ rừng tự nhiên trái pháp luật.

- Thực hiện rà soát và bổ sung nội dung quản lý, sử dụng cưa xăng, súng săn trong hương ước, quy ước của thôn (bản).

- Tổ chức lực lượng tuần tra phát hiện sớm và xử lý kịp thời các hành vi đem cưa xăng vào rừng trái quy định của pháp luật (Điều 16 của Nghị định 35/2019/NĐ-CP).

- Kiểm lâm viên phối hợp với lực lượng công an, dân quân tự vệ tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân giao nộp súng săn, tổ chức ký cam kết không sử dụng vào việc săn bắt động vật hoang dã.

**3. Nội dung, phương pháp quản lý các cơ sở kinh doanh, chế biến LS:**

***3.1. Nội dung quản lý:***

- Kiểm lâm viên chủ trì, tham mưu tổng hợp, rà soát lại toàn bộ các cơ sở KDCB lâm sản đang hoạt động trên địa bàn quản lý. Đánh giá cụ thể tình hình hoạt động và lập sổ theo dõi, phân loại các cơ sở theo địa bàn quản lý (Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, gỗ nhập khẩu, gỗ có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, gỗ có nguồn gốc rừng trồng, cơ sở KDCB lâm sản ngoài gỗ…).

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT).

***3.2. Phương pháp quản lý:***

*\*. Kiểm tra tại cơ sở KDCB gỗ, lâm sản trong nước:*

- Kiểm tra việc chấp hành các quy đinh của pháp luật về điều kiện kinh doanh (Giấy phép hoạt động kinh doanh: Năm cấp? Người cấp? Ngành nghề kinh doanh…..).

- Kiểm tra việc mở sổ theo dõi và ghi chép nhập xuất lâm sản (Sổ theo mẫu số 11, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT).

- Kiểm tra hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp (điều 16; khoản 1, điều 31 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT):

*\*. Kiểm tra tại cơ sở KDCB gỗ, lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu:*

- Nếu chủ cơ sở nhập trực tiếp lô hàng gỗ nhập khẩu:

+ Hồ sơ khi làm thủ tục thông quan *(Do cơ quan Hải quan xác nhận)*.

+ Bản chính bảng kê gỗ nhập khẩu do chủ gỗ lập *(theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020)*.

+ Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu *(theo Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020)*.

+ Trường hợp gỗ thuộc Phụ lục CITES: Bản sao giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước xuất khẩu hoặc nước tái xuất khẩu cấp; Bản sao giấy phép CITES nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp;

+ Trường hợp gỗ nhập khẩu từ quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT: Bản sao giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp;

- Nếu chủ cơ sở mua lại của người trực tiếp nhập lô hàng gỗ nhập khẩu:

+ Bản chính bảng kê gỗ nhập khẩu trích từ bảng kê gỗ nhập khẩu do chủ gỗ bán lập có chữ ký và dấu (nếu có) xác nhận.

+ Hồ sơ gỗ nhập khẩu (bản sao) do người bán cung cấp có chữ ký và dấu (nếu có) xác nhận.

\*. Kiểm lâm viên chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra, đo đếm, phân loại lâm sản thực tế tại các cơ sở kinh doanh CBLS; đối chiếu với hồ sơ lâm sản do chủ cơ sở cung cấp và đối chiếu với sổ theo dõi và ghi chép nhập xuất lâm sản.

\*. Lập biên bản kiểm tra lâm sản *(theo Mẫu số 05, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT)* phản ánh toàn bộ quá trình kiểm tra tại cơ sở KDCB; thông báo nội dung biên bản cho chủ cơ sở để thống nhất ký tên kết thúc quá trình kiểm tra. Trường hợp phát hiện vi phạm tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định pháp luật.

**4. Công tác phối hợp lực lượng chống chặt phá rừng:**

***4.1. Nội dung phối hợp:***

+ Phối hợp trong công tác tuần tra, kiểm tra ANR; đấu tranh chống buôn lậu lâm sản, trấn áp, dẫn giải các đối tượng vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp.

+ Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Lâm nghiệp.

+ Phối hợp trao đổi thông tin giữa các lực lượng về các tụ điểm, đường dây, đối tượng buôn lậu lâm sản, loại phương tiện, thủ đoạn buôn bán vận chuyển lâm sản, động vật rừng trái phép.

+ Phối hợp trong công tác huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

***4.2. Cơ quan phối hợp (cấp xã):***

Mặt trận Tổ quốc, Công an, Quân sự, Biên phòng, các đơn vị chủ rừng nhà nước.

***4.3. Phương pháp:***

- Ngay từ đầu năm, kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xây dựng kế hoạch phối hợp hàng năm, trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt thực hiện.

- Trên cơ sở kế hoạch năm, Kiểm lâm viên chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng chuyên đề hoặc theo từng tháng, quý và từng vụ việc đảm bảo sát tình hình thực tế ở địa phương.

**5. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội dung QLBVR, PCCCR vào quy ước, hương ước của cộng đồng thôn (bản):**

***5.1. Nội dung:***

- Rà soát số lượng bản quy ước, hương ước hiện có ở các thôn (bản) sau khi sát nhập; những thôn (bản) chưa xây dựng quy ước, hương ước hoặc đã xây dựng nhưng bị thất lạc.

- Rà soát về nội dung cẩn sửa đổi, bổ sung trong các bản quy ước, hương ước hiện có ở các thôn (bản) đảm bảo phù hợp dựa trên hai nguyên tắc: Phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế, phong tục tập quán ở các thôn (bản), kể cả các thôn (bản) mới sát nhập.

- Xây dựng mới các bản quy ước, hương ước ở các thôn (bản) chưa có hoặc bị thất lạc.

- Các nội dung cần tập trung:

+ Đối với các thôn (bản) vùng trọng điểm về an ninh rừng: Cần tập trung các nội dung về sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, trồng rừng; khai thác rừng, vận chuyển lâm sản; săn bắn, bẫy bắt động vật rừng; quản lý cưa xăng, súng săn, quản lý gỗ làm nhà; sử dụng đất làm nương rẫy...

+ Đối với các thôn (bản) đồng bằng, ven biển thuộc vùng trọng điểm về cháy rừng: Cần tập trung các nội dung về sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, trồng rừng; khai thác rừng; sử dụng lửa trong và ven rừng; kinh doanh chế biến lâm sản; nuôi sinh trưởng, sinh sản động vật rừng; săn bắt, bẫy bắt, mua bán, vận chuyển, tiêu thụ chim hoang dã…

***5.2. Phương pháp triển khai:***

- Kiểm lâm viên chủ trì, phối hợp với cán bộ tư pháp xã báo cáo Đảng ủy, UBND xã (phường, thị trấn) chủ trương, lý do cần rà soát, sửa đổi và bổ sung nội dung công tác QLBVR, PCCCR vào bản quy ước, hương ước thôn (bản). Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai, thực hiện kế hoạch.

- Tham mưu thành lập Tổ soạn thảo, dự thảo sửa đổi bổ sung quy ước, hương ước thôn (bản) do trưởng thôn, tổ trưởng dân phố làm Tổ trưởng; các thành viên (có thể) gồm Ban quản lý thôn (bản), đại diện người cao tuổi, người có kinh nghiệm, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên; Kiểm lâm viên, cán bộ tư pháp xã tham gia hướng dẫn.

- Bản dự thảo phải được niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn (bản), tổ dân phố, bảng tin của cộng đồng, điểm sinh hoạt cộng đồng hoặc địa điểm khác thuận tiện để các hộ gia đình, cá nhân trong thôn (bản), tổ dân phố tiếp cận, tìm hiểu và góp ý. Thời hạn niêm yết do cộng đồng quyết định nhưng ít nhất là 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

-Tổ trưởng lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo theo một trong các hình thức phù hợp tình hình địa phương: Sao gửi dự thảo đến từng hộ gia đình trong thôn (bản); mở hòm thư tiếp nhận ý kiến đóng góp; lồng ghép, lấy ý kiến đóng góp tại cuộc họp thôn; quá trình lấy ý kiến đóng góp có thể lấy ý kiến tham gia của cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn hoặc Trạm kiểm lâm phụ trách địa bàn.

- Sau khi chỉnh lý, sửa chữa, bổ sung trên cơ sở các ý kiến tham gia, bản quy ước, hương ước được thông qua khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn (bản) tán thành.

- Tổ trưởng gửi hồ sơ đến UBND cấp xã để UBND xã ban hành Công văn đề nghị UBND cấp huyện công nhận Hương ước. Hồ sơ đề nghị công nhận Hương ước gồm: Dự thảo Hương ước đã được cộng đồng dân cư thôn (bản) thông qua có chữ ký của Trưởng Ban công tác mặt trận, Trưởng thôn (bản); biên bản xác nhận kết quả cộng đồng dân cư thôn (bản) biểu quyết thông qua; công văn đề nghị công nhận Hương ước của UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện; tài liệu khác (nếu có).

- Bản quy ước, hương ước có giá trị thi hành kể từ ngày UBND cấp huyện ra quyết định công nhận.

- Trong quá trình thực hiện quy ước, hương ước Kiểm lâm viên công tác tại địa bàn cần thường xuyên rà soát, đề xuất đưa ra những nội dung không còn phù hợp hoặc bổ sung thêm các quy định mới nếu có vấn đề mới phát sinh mà hương ước, quy ước hiện tại chưa có quy định điều chỉnh. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước thực hiện theo trình tự, thủ tục đã trình bày ở trên.

**6. Nội dung thực hiện việc đối thoại với nhân dân về công tác Kiểm lâm:**

***6.1. Công tác chuẩn bị:***

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại (MTTQ chủ trì, KLV tham mưu). Có thể tổ chức Hội nghị lồng ghép nội dung với các cơ quan khác như Công an, Dân quân, Hội phụ nữ…

+ Lựa chọn địa bàn để tổ chức Hội nghị; đưa ra lý do cần phải tổ chức Hội nghị.

+ Xác định rõ mục đích, yêu cầu của Kế hoạch.

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận (Kiểm lâm, MTTQ xã, UBND xã…).

+ Xác định cụ thế, chi tiết về thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia, kinh phí thực hiện…

- Chuẩn bị tài liệu, kiến thức về lâm nghiệp như Luật lâm nghiệp, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thông tư liên Bộ, và các văn bản chỉ đạo của cấp tỉnh, huyện (nếu có) có liên quan đến Lâm nghiệp, đủ để giải đáp các vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của nhân dân.

***6.2. Tổ chức hội nghị:***

- Báo cáo cấp trên trực tiếp, phối hợp với MTTQ xã và chính quyền xã, huyện để tổ chức Hội nghị đối thoại theo kế hoạch đề ra.

- Trực tiếp đối thoại, trả lời những kiến nghị, vướng mắc của nhân dân, của chủ rừng về lĩnh vực Lâm nghiệp.

- Tổng hợp những vấn đề chưa trả lời được trong Hội nghị để tham vấn các ý kiến của chuyên gia, của cấp trên.

- Kiểm lâm viên phối hợp với MTTQ xã tham mưu ban hành văn bản thông báo kết quả Hội nghị, trả lời các vấn đề chưa được giải đáp trong Hội nghị.

**7. Phương pháp, nội dung kiểm tra an ninh rừng; tuần tra, kiểm soát lâm sản:**

***7.1. Phương pháp, nội dung kiểm tra ANR (kiểm tra đột xuất):***

*- Hình thức:* Kiểm tra khi có chỉ đạo của cấp trên trực tiếp, khi có nguồn thông tin chính xác hoặc trực tiếp phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp.

*- Nội dung:* Kiểm tra các khu vực trọng điểm ANR khi có thông tin chính xác hoặc phát hiện trực tiếp các hành vi phá rừng, khai thác, xâm lấn rừng trái pháp luật.

*- Phương pháp:*

+ Về tổ chức lực lượng: Báo cáo cấp trên trực tiếp *(Trạm trưởng, Chủ tịch UBND cấp xã, Hạt trưởng)* để tổ chức lực lượng kiểm lâm phối hợp chính quyền địa phương thôn, xã, lực lượng dân quân, công an để tiến hành kiểm tra.

+ Xác định cụ thể, chi tiết về chủ rừng, diện tích, trạng thái, loại rừng bị phá, bị xâm lấn; khối lượng lâm sản bị thiệt hại.

+ Xác định đối tượng phá rừng, xấm lấn, khai thác rừng trái phép.

+ Lập biên bản kiểm tra, báo cáo đề xuất cấp trên *(Trạm trưởng, Chủ tịch UBND cấp xã, Hạt trưởng)* hướng giải quyết.

***7.2. Phương pháp, nội dung kiểm tra ANR (theo kế hoạch):***

*- Hình thức:* Xây dựng kế hoạch kiểm tra ANR hàng tuần, tháng, quý theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

*- Nội dung kiểm tra ANR:*

+ Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch.

+ Xác đinh rõ về thời gian, địa điểm, tuyến trọng điểm ANR, phạm vi cần kiểm tra.

+ Dự kiến nhân lực, vật lực phục vụ đợt kiểm tra

*- Phương pháp:*

+ Xây dựng kế hoạch chi tiết, báo cáo trình lãnh đạo của cấp trên phê duyệt để thực hiện.

+ Xác định cụ thể, chi tiết về chủ rừng, diện tích, trạng thái, loại rừng bị phá, bị xâm lấn; khối lượng lâm sản bị thiệt hại.

+ Xác định đối tượng phá rừng, xấm lấn, khai thác rừng trái phép.

+ Lập biên bản kiểm tra, báo cáo đề xuất cấp trên hướng giải quyết.

***7.3. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát lâm sản:***

*- Về đối tượng cần kiểm soát:*

+ Các loại lâm sản khai thác hợp pháp trên địa bàn quản lý, lâm sản thanh lý của cơ quan có thẩm quyền, lâm sản nhập khẩu từ nước ngoài.

+ Lâm sản do các cơ quan có thẩm quyền bàn giao, phối hợp xử lý.

+ Các phương tiện vận chuyển lâm sản, các cơ sở, địa điểm tập kết, bãi tập kết lâm sản.

*- Hình thức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát:*

+ Tuần tra, kiểm soát thường xuyên: Đối với Đội KLCĐ&PCCCR.

+ Tuần tra, kiểm soát theo thời điểm, theo định kỳ hàng tuần, tháng: Đối với các Hạt Kiểm lâm.

*- Các nội dung chủ yếu:*

+ Kiểm tra hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan đến nguồn gốc lâm sản, phương tiện vận chuyển và các cơ sở có KDCBLS.

+ Kiểm tra số lượng, khối lượng, chủng loại lâm sản.

+ Đối với lâm sản (loại thông thường) trong nước: Hồ sơ, nguồn gốc lâm sản thực hiện theo Thông tư 27.

+ Đối với lâm sản (loại thông thường) nhập khẩu, xuất khẩu: Hồ sơ, nguồn gốc lâm sản thực hiện theo Nghị định 102.

+ Đối với các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm và các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp: Hồ sơ, nguồn gốc thực hiện theo Nghị định 06.

*- Phương pháp:*

+ Tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát lâm sản: Lực lượng Kiểm lâm (từ 2 Kiểm lâm viên trở lên); Kiểm lâm viên phối hợp với chính quyền địa phương, công an, biên phòng, các lực lượng BVR chuyên trách của các đơn vị chủ rừng.

+ Yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan đến lâm sản xuất trình hồ sơ, đối chiếu với lâm sản thực tế; nếu phát hiện vi phạm, tiến hành lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

**8. Nghiệp vụ xử phạt VPHC và tham mưu xử phạt VPHC về Lâm nghiệp:**

***8. 1. Thẩm quyền của Kiểm lâm viên trong xử phạt VPHC:***

- Phạt cảnh cáo, được trực tiếp xử phạt VPHC trong lĩnh vực Lâm nghiệp nhưng không quá 500.000 đồng (tuy nhiên Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa chưa áp dụng thực hiện thẩm quyền này).

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã, Trạm trưởng Kiểm lâm, Hạt trưởng Kiểm lâm xử phạt VPHC thuộc lĩnh vực lâm nghiệp theo thẩm quyền.

***8.2. Thành phần cơ bản của một bộ hồ sơ xử phạt VPHC:***

- Theo quy định tại khoản 2, Điều 57, Luật xử lý VPHC, thì trong trường hợp xử phạt VPHC có lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt phải lập hồ sơ xử phạt VPHC.

- Tuỳ vào hành vi vi phạm cụ thể mà ta thiết lập hồ sơ, những thành phần chủ yếu của hồ sơ sẽ gồm: ***Biên bản VPHC; quyết định xử phạt VPHC, các giấy tờ tài liệu có liên quan và phải được đánh bút lục***.

- Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

***8.3. Các bước tiến hành lập hồ sơ xử phạt VPHC trong lĩnh vực Lâm nghiệp:***

(2 ví dụ của vụ việc cơ bản và điển hình về 2 hành vi: Vận chuyển và khai thác lâm sản trái pháp luật; các vụ việc khác cũng tương tự):

***Ví dụ 1. Các bước tiến hành lập hồ sơ đối với một vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật:***

**Bước 1.** Quyết định khám PTVT đồ vật và lập Biên bản khám PTVTĐV:

Cơ sở pháp lý: Điều 128 Luật xử lý VPHC năm 2012.

- Đối với các vụ vận chuyển lâm sản tráp pháp luật, sau khi nhận được thông tin về đối tượng, phương tiện; Thủ trưởng đơn vị phải xem xét, đánh giá, xác minh nguồn tin; nếu có căn cứ chính xác, phải ban hành Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật (Trường hợp Thủ trưởng vắng mặt phải có giấy uỷ quyền cho cấp Phó của mình để thực hiện quyền của cấp trưởng).

Khi phát hiện xe vi phạm, phải thông báo cho người điều khiển xe về căn cứ tiến hành khám phương tiện vận chuyển lâm sản; Sau khi đọc quyết định khám PTVT; khi khám phải tiến hành lập biên bản khám PTVT theo đúng khoản 4 điều 128 Luật XLVPHC.

**Bước 2.** Kiểm tra, đo đếm lập bảng kê lâm sản và Lập biên bản kiểm tra lâm sản (theo Mẫu số 05, Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT).

Sau khi lập biên bản khám PTVTĐV, tiến hành lập biên bản kiểm tra lâm sản theo đúng mẫu số 05 TT27 mô tả chi tiết, cụ thể diễn biến quá trình kiểm tra. Kết luận sau kiểm tra ghi rõ có hay không có vi phạm? vi phạm vào khoản, điều nào của NĐ 35/2019/NĐ-CP. Biên bản phải được đọc lại cho người vi phạm, lái xe, người chứng kiến nghe và cùng ký, đồng thời giao lại cho người vi phạm 01 bản.

**Bước 3.** Người vi phạm khai báo hoặc người được giao thụ lý lập biên bản ghi lời khai: Yêu cầu người vi phạm tường trình rõ quá trình vận chuyển lâm sản; nguồn gốc lâm sản, hồ sơ lâm sản (nếu có); nhận thức về hành vi vi phạm? cam kết? trường hợp chưa rõ người đang thụ lý vụ việc phải tiến hành lập biên bản ghi lời khai

Người vi phạm ký hoặc điểm chỉ vào biên bản, kèm theo chữ ký của người chứng kiến.

**Bước 4.** Ra quyết định tạm giữ TV, PT và lập biên bản tạm giữ TVPT:

Căn cứ pháp lý: Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Người đang thụ lý vụ việc, phải tham mưu cho Hạt trưởng, Đội trưởng hoặc người được uỷ quyền ra QĐTG TVPT. QĐ ghi rõ tạm giữ cái gì? thời hạn tạm giữ.

Thời hạn tạm giữ 07 ngày kể từ ngày tạm giữ thực tế; trường hợp phức tạp cần xác minh thì tạm giữ 30 ngày.

Sau khi có QĐ tạm giữ TVPT, phải lập biên bản tạm giữ TVPT. Trong biên bản tạm giữ phải ghi đầy đủ nội dung theo khoản 9 điều 125 Luật xử lý VPHC.

Lưu ý: Nếu vụ vi phạm chỉ áp dụng hình thức phạt tiền mà không áp dụng hình thức tịch thu TVPT, thì việc tạm giữ TVPT phải theo thứ tự ưu tiên, một trong các loại giấy tờ sau: GPLX; hoặc giấy phép lưu hành phương tiện; hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến TVPT cho đến khi chấp hành xong QĐXP. Nếu không có các giấy tờ nêu trên mới tạm giữ phương tiện.

**Bước 5.** Lập biên bản VPHC (Điều 58 Luật XLVPHC):

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra lâm sản; bảng kê lâm sản; lời khai hoặc biên bản ghi lời khai; QĐ và Biên bản tạm giữ TVPT, người đang thụ lý vụ việc tiến hành lập biên bản VPHC. Biên bản VPHC phải đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2, Điều 58 Luật XLVPHC. Biên bản lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản.

*\* Chú ý:* Trường hợp cá nhân, tổ chức VPHC có quyền được giải trình theo quy định Điều 61 Luật xử lý VPHC, phải làm rõ họ có yêu cầu giải trình hay không? Nếu có giải trình bằng văn bản thì ghi gửi văn bản giải trình đến người có thẩm quyền xử phạt VPHC trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày lập BB VPHC; trường hợp họ không có yêu cầu giải trình, thì phải để họ ghi rõ không có yêu cầu giải trình và ký ghi rõ họ tên.

*Biên bản xác minh:*

Được sử dụng để xác minh các tình tiết chưa rõ sau khi đã lập biên bản VPHC. Chẳng hạn để xác minh về họ tên, về năm sinh, về nơi cư trú thường xuyên hoặc nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú của người vi phạm; hoặc để xác minh lại số lượng, khối lượng, chủng loại lâm sản vi phạm; hoặc để xác minh lại tình trạng TVPT tạm giữ; hoặc xác minh lại hiện trường bị khai thác trái phép; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... Việc xác minh nhất thiết phải lập thành biên bản (Điều 59 Luật XLVPHC).

**Bước 6.** Xác định giá trị tang vật làm căn cứ xác định khung tiền phạt và xác định thẩm quyền:

Đối với những vụ việc mà tang vật VPHC là ĐVR, sản phẩm ĐVR, thực vật rừng ngoài gỗ, sản phẩm chế biến từ gỗ phải thành lập Hội đồng xác định giá trị tang vật để làm căn cứ xác định khung tiền phạt và xác định thẩm quyền. Việc xác định giá trị thực hiện theo quy định tại điều 60 Luật XLVPHC.

\* Chú ý: Khi định giá nhất thiết phải có sự tham gia của đại diện cơ quan tài chính cùng cấp. Căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị TVPT phải thể hiện trong hồ sơ xử phạt VPHC.

**Bước 7.** Đề xuất của người đang thụ lý vụ việc

Người đang thụ lý vụ việc chuyển toàn bộ hồ sơ đến cán bộ Pháp chế để thẩm định trước khi trình Lãnh đạo Hạt, Đội ký quyết định xử phạt. Cán bộ pháp chế viết phiếu đề xuất, trong đó mô tả chi tiết diễn biến vụ việc và đề xuất về hình thức, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

**Bước 8.** Ra quyết định xử phạt VPHC (Điều 67 Luật XLVPHC).

Trường hợp một cá nhân, tổ chức cùng thực hiện 1 hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 1 QĐXP, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện 1 hành vi vi phạm thì có thể ra 1 hoặc nhiều QĐXP

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm khác nhau trong cùng 1 vụ thì có thể ra 1 hoặc nhiều QĐXP đối với từng hành vi vi phạm của từng tổ chức, cá nhân.

Nội dung QĐXP theo Điều 68 Luật XLVPHC.

**Bước 9.** Gửi QĐXP để thi hành:

Sau khi ban hành QĐXP, người xử phạt phải gửi cho người vi phạm 01 bản và cơ quan thu tiền phạt 1 bản, và cơ quan liên quan khác 1 bản (nếu có) để thi hành. Thủ tục nộp tiền phạt thực hiện theo Điều 78, Luật xử lý VPHC 2012.

\* Chú ý: Các mẫu Biên bản, Quyết định, Bảng kê…đều phải đóng dấu treo của đơn vị thụ lý, xử lý vào góc trái trên cùng; bút lục được đánh từ số 01 đến số n, hành vi nào diễn ra trước thì đánh số bút lục trước cho đến khi kết thúc vụ việc.

- Đối với các vụ vận chuyển ĐVR thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định tại Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, thì tiến hành các bước từ bước 1 đến bước 4; sau đó người đang thụ lý vụ việc phải đề xuất Hạt trưởng quyết định khởi tố vụ án (Đội trưởng KLCĐ không có thẩm quyền này) hoặc có văn bản gửi cơ quan Công an để cùng phối hợp củng cố hồ sơ. Mọi trường hợp vận chuyển trái phép ĐVR thuộc danh mục NĐ 160 đều phải khởi tố vụ án hình sự, bất kể giá trị, số lượng, khối lượng.

**Bước 10:** Sau khi ra Quyết định xử phạt VPHC, phải lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện VPHC theo quy định tại Điều 81, Luật xử lý VPHC.

Giấy nộp tiền vào KBNN thể hiện việc cá nhân, tổ chức vi phạm đã chấp hành xong QĐXP VPHC.

***Ví dụ 2. Các bước tiến hành lập hồ sơ một vụ khai thác lâm sản trái pháp luật.***

**Bước 1.** Lập biên bản kiểm tra hiện trường, theo mẫu Biên bản kiểm tra khai thác lâm sản hoặc biên bản kiểm tra lâm sản; mô tả chi tiết lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính thôn, bản, xã, huyện; chủ rừng; số lượng, khối lượng, nhóm loài; đối tượng khai thác; địa chỉ, quê quán, nơi thường trú, tạm trú; phương tiện, công cụ; các thành phần tham gia kiểm tra đều phải ký vào biên bản; lập sơ đồ khu vực khai thác?

**Bước 2.** Lập Bảng kê, xác định cụ thể lâm sản thiệt hại về số lượng, loài cây, khối lượng… các thành phần tham gia kiểm tra đều phải ký vào bảng kê.

**Bước 3.** Xác định đối tượng vị phạm.

Người vi phạm tự khai báo hành vi vi phạm (tường trình) hoặc biên bản ghi lời khai của người vi phạm. Người vi phạm ký hoặc điểm chỉ vào biên bản, kèm theo chữ ký của người chứng kiến.

**Bước 4.** Lập Biên bản VPHC trên cơ sở biên bản kiểm tra hiện trường, bản tường trình hoặc biên bản ghi lời khai của người vi phạm; các biện pháp ngăn chặn VPHC (đình chỉ vi phạm; tạm giữ TVPT, giấy tờ…), có chữ ký và ý kiến của đối tượng vi phạm, người chứng kiến, người lập biên bản;

**Bước 5**. Xử lý về tang vật, phương tiện công cụ, dụng cụ vi phạm.

KLV phụ trách địa bàn (người trực tiếp đang xử lý vụ việc) tham mưu cho Hạt trưởng, Đội trưởng hoặc người được uỷ quyền ban hành Quyết định tạm giữ TVPT, giấy tờ..; trên cơ sở QĐ tạm giữ tiến hành lập biên bản tạm giữ TVPT, giấy tờ. Biên bản phải có chữ ký của người vi phạm, người chứng kiến, người lập biên bản và người ra quyết định tạm giữ.

Sau khi đã lập biên bản VPHC, những nội dung chưa rõ cần phải được xác minh làm rõ, chẳng hạn như: xác minh nhân thân người vi phạm; địa chỉ của họ; hoặc địa danh nơi vi phạm về lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính, chủ rừng; hoặc tên, nhóm loài cây, khối lượng, số lượng…), thì phải tiến hành lập Biên bản xác minh.

**Bước 6.** Giấy đề xuất của người đang giải quyết vụ việc, hoặc đề xuất của cán bộ tham mưu lĩnh vực pháp chế về hình thức, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

**Bước 7.** Quyết định xử phạt VPHC và Biên bản tịch thu TVPT VPHC, được lập sau khi đã có QĐXP VPHC; có chữ ký của người vi phạm, người chứng kiến, người lập biên bản và người ra quyết dịnh xử phạt, tịch thu TVPT.

\* Chú ý: Các mẫu biên bản, Quyết định, Bảng kê…đều phải đóng dấu treo của đơn vị thụ lý, xử lý vào góc trái trên cùng; bút lục được đánh từ số 01 đến số n, hành vi nào diễn ra trước thì đánh số bút lục trước cho đến khi kết thúc vụ việc.

**Bước 8.** Gửi quyết định để thi hành.

Giấy nộp tiền vào KBNN thể hiện việc cá nhân, tổ chức vi phạm đã chấp hành xong QĐXP VPHC.

**8.4. Về thẩm quyền xử phạt VPHC của Chủ tịch UBND cấp xã (Kiểm lâm viên là người tham mưu):**

***8.4.1. Theo Luật xử lý VPHC năm 2012:*** *(tại khoản 1, Điều 38)*:

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)được phạt chính: Cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa trong từng lĩnh vực nhưng không quá 5 triệu đồng;được phạt bổ sung: Tịch thu TVPT vi phạm hành chính nhưng giá trị không quá 5 triệu đồng; được áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.

***8.4.2. Theo Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực Lâm nghiệp***: (tại khoản 1, Điều 27):

Chủ tịch UBND xã được phạt Cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 5 triệu đồng; tịch thu TVPT vi phạm có giá trị đến 5 triệu đồng; áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường.

***8.4.3. Chủ tịch UBND xã được xử phạt ở các hành vi sau (Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP): Gồm* *13 hành vi, cụ thể như sau:***

- Khoản 1, điều 7, hành vi Lấn, chiếm rừng

- Khoản 1, Điều 8, hành vi Khai thác trái phép môi trường rừng và thực hiện các dịch vụ kinh doanh trái phép trong rừng

- Điểm a, Khoản 1, Điều 9, hành vi Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Khoản 1, khoản 2, Điều 10, hành vi Vi phạm quy định về quản lý rừng bền vững (QLRBV)

- Khoản 1, khoản 2, Điều 11, hành vi Vi phạm quy định về hồ sơ, thủ tục khai thác lâm sản có nguồn gốc hợp pháp

- Khoản 1, Điều 12, hành vi Vi phạm quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng

- Điểm a, điểm b, Khoản 1; Điểm a, điểm b, Khoản 2; Điểm a, khoản 3; Điểm a, điểm b, điểm c, khoản 4; một số điều tại khoản 5, khoản 6, Điều 13, hành vi Khai thác rừng trái pháp luật

- Khoản 1, Điều 15, hành vi Vi phạm quy định về trồng rừng thay thế

- Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 16, hành vi Vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng.

- Khoản 1, khoản 2, Điều 17, hành vi Vi phạm các quy định của pháp luật về PCCC gây cháy rừng.

- Khoản 1, Điều 18, hành vi Vi phạm quy định về phòng trừ sinh vật hại rừng

- Khoản 1, khoản 2, Điều 19, hành vi Phá hủy các công trình BV&PTR.

- Khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 24, hành vi Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản.

**V. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ**

**1. Nội dung quản lý các cơ sở gây nuôi, trồng cấy động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật rừng thông thường; động, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục CITES:**

***1.1. Quản lý cơ sở nuôi động vật rừng thông thường*** *(quy định tại Điều 11, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ)****:***

Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đảm bảo nguồn gốc động vật rừng nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật. *(từ tự nhiên, nhập khẩu hoặc gây nuôi; quy định tại điều 6, điều 24, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, bao gồm:*

*+ Bản chính bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập (đối với Động vật rừng có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên hoặc gây nuôi trong nước phải có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại); trường hợp khi chỉ vận chuyển nội bộ trong tỉnh, bảng kê lâm sản không cần xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại*

*+ Bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán (nếu nhập khẩu hoặc mua từ cơ sở nuôi hợp pháp khác)*

- Đảm bảo an toàn cho con người; thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, thú y;

- Thực hiện việc ghi chép sổ theo dõi vật nuôi quy định theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP; trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày đưa động vật rừng thông thường về cơ sở nuôi, tổ chức, cá nhân phải gửi thông báo cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

***1.2.*** ***Quản lý các cơ sở nuôi, trồng động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm và động, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục CITES***

*1.2.1. Các cơ sở nuôi, trồng không vì mục đích thương mại (điều kiện nuôi, trồng theo quy định tại Điều 14, Nghị định 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP):*

- Có dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt và có phương án nuôi, trồng theo Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

- Cơ sở nuôi, trồng phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi, trồng; đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, trồng, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi, trồng hợp pháp khác.

- Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh.

***1.2.2. Các cơ sở nuôi, trồng vì mục đích thương mại*** *(điều kiện nuôi, trồng theo quy định tại Điều 15, Nghị định 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP)****:***

a) Đối với động vật:

- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác;

- Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;

- Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên;

- Có phương án nuôi theo Mẫu số 04, Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

b) Đối với thực vật:

- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở trồng hợp pháp khác;

- Cơ sở trồng phù hợp với đặc tính của loài;

- Có phương án trồng theo Mẫu số 05, Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

c) Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh.

**2. Nội dung quản lý các cơ sở kinh doanh, chế biến và hoạt động kinh doanh, chế biến, quảng cáo, trưng bày mẫu vật động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, mẫu vật động, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục CITES** *(Điều 29, Nghị định 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP)***:**

***2.1. Điều kiện chế biến, kinh doanh:***

- Cơ sở chế biến, kinh doanh và hoạt động chế biến, kinh doanh mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thực hiện theo quy định của Nghị định 06/2019/NĐ-CP, pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật, thú y, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các quy định hiện hành của nhà nước;

- Mẫu vật có nguồn gốc hợp pháp theo quy định tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP;

- Có sổ theo dõi hoạt động theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP; chịu sự kiểm tra của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

***2.2. Được chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày vì mục đích thương mại:***

- Mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES khai thác hợp pháp từ tự nhiên;

- Mẫu vật các loài động vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc nuôi sinh sản từ thế hệ F2 trở về sau; các loài động vật thuộc Phụ lục II CITES có nguồn gốc nuôi sinh sản từ thế hệ F1 trở về sau; mẫu vật các loài thực vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc trồng cấy nhân tạo theo quy định của Nghị định 06/2019/NĐ-CP;

- Mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES sau xử lý tịch thu.

***2.3. Sản phẩm chế biến từ động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục phải được quản lý truy xuất nguồn gốc:***

- Tổ chức, cá nhân chế biến động vật, thực vật hoang dã nguy cấp phải mở sổ theo dõi hoạt động theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP, gồm theo dõi nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra của quá trình chế biến phù hợp với loại mẫu vật chế biến;

- Cơ quan Kiểm lâm sở tại kiểm tra nguồn gốc; hoạt động chế biến sản phẩm động vật, thực vật hoang dã thuộc các Phụ lục CITES trên cơ sở sổ theo dõi hoạt động.

**3. Nội dung đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES:**

***3.1. Loài thuộc Nhóm I, Phụ lục I CITES*** *(Điều 17, Nghị định 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP):*

- Cơ quan cấp mã số: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có trách nhiệm cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục I CITES.

- Hồ sơ đề nghị đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng

+ Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP;

+ Bản chính phương án nuôi theo Mẫu số 04, phương án trồng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

- Trình tự tiếp nhận hồ sơ, cấp mã số nuôi, trồng

+ Đại diện hợp pháp của chủ cơ sở gửi trực tiếp; qua bưu điện hoặc qua cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia 01 bộ hồ sơ tới Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp mã số cho cơ sở. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định 06/2019/NĐ-CP, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chủ trì, phối hợp với Cơ quan khoa học CITES Việt Nam và các tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thông báo bằng văn bản cho cơ sở biết;

+ Đối với cơ sở nuôi, trồng vì mục đích thương mại loài thuộc Phụ lục I CITES phải đăng ký với Ban Thư ký CITES, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc gửi Ban Thư ký CITES, nhưng thời hạn cấp không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo từ Ban Thư ký;

- Trường hợp cơ sở nuôi, trồng nhiều Nhóm loài khác nhau, trong đó có loài thuộc Phụ lục I CITES thì sẽ cấp mã số theo quy định tại Điều này.

- Hủy mã số trong trường hợp: Cơ sở tự đề nghị hủy; cơ sở không đáp ứng các điều kiện nuôi, trồng; cơ sở vi phạm các quy định tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

***3.2. Loài thuộc Nhóm II, Phụ lục II, III CITES*** *(Điều 18, Nghị định 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP):*

- Cơ quan cấp mã số: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh có trách nhiệm cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thuộc Nhóm II, Phụ lục II, III CITES.

- Hồ sơ đề nghị đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng

+ Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP;

+ Bản chính phương án nuôi theo Mẫu số 06, phương án trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

- Trình tự tiếp nhận hồ sơ, cấp mã số nuôi, trồng

+ Đại diện hợp pháp của chủ cơ sở gửi trực tiếp; qua bưu điện hoặc qua cổng thông tin điện tử một cửa 01 bộ hồ sơ tới Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm cấp mã số. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định 06/2019/NĐ-CP, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp mã số thông báo bằng văn bản cho cơ sở biết.

- Hủy mã số trong trường hợp: Cơ sở tự đề nghị hủy; cơ sở không đáp ứng các điều kiện nuôi, trồng; cơ sở vi phạm các quy định tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

***Lưu ý:*** Các Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm tham mưu cho Chi cục trưởng trong việc kiểm tra thực tế các điều kiện của cơ sở nuôi, trồng; hướng dẫn chủ cơ sở hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ theo quy định; ban hành văn bản đề nghị Chi cục Kiểm lâm (hoặc Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam) cấp mã số theo thẩm quyền.

**CHI CỤC KIỂM LÂM**